

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:05/2019/HNGĐ- ST

Ngày 18-3-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng.

2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại Phòng xử án, Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28-01-2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc Thảo L, sinh năm 1992 – có mặt.

Địa chỉ: Đường H, tổ dân phố A, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Lưu Chính Tr, sinh năm 1984 – vắng mặt.

Địa chỉ: Đường Ph, tổ dân phố T, phường Th, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25-9-2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Ngọc Thảo L trình bày có nội dung: Chị và anh Lưu Chính Tr kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 23-10-2017 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì giữa chị và anh Tr thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vì vấn đề tiền bạc. Giữa hai anh chị không có tình cảm vợ chồng với nhau. Chị đã sống ly thân với anh Tr từ ngày 20-12-2017 cho đến nay. Đến thời điểm hiện tại, chị thấy không thể duy trì mối quan hệ vợ chồng với anh Lưu Chính Tr nên yêu cầu Tòa án

giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Chính Tr.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh Tr có 01 người con chung là Lưu Hà M, sinh ngày 11-8-2018. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L chưa yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Trần Ngọc Thảo L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lưu Chính Tr trình bày có nội dung: Anh và chị Trần Ngọc Thảo L kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 23-10-2017 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn được 03 tuần thì chị L về nhà cha mẹ để sống do bị ốm nghén. Anh Tr có đến đưa vợ về nhà nhưng chị L nói sống ly thân nhưng anh không đồng ý. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh Tr không đồng ý vì anh thấy anh còn yêu thương vợ con nên anh yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị L có 01 người con chung là con gái sinh ngày 11-8-2018 nhưng chưa đặt tên. Do con còn nhỏ nên anh đồng ý để chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền thăm nom con chung, chị L và gia đình không được cản trở

Về tài sản: Anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Ngọc Thảo L ly hôn với anh Lưu Chính Tr.

Về con chung: Giao con chung là Lưu Hà M cho chị Trần Ngọc Thảo L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên, anh Lưu Chính Tr có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Ngọc Thảo L chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Trần Ngọc Thảo L và anh Lưu Chính Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 02-10-2018 nguyên đơn chị Trần Ngọc Thảo L nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 05-10-2018 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 10-10-2018 nguyên đơn chị Trần Ngọc Thảo

L nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án ngày 11-10-2018 là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về trình tự thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Lưu Chính Tr đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự*:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Ngọc Thảo L và anh Lưu Chính Tr là quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn vào ngày 23-10-2017 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, chị L cho rằng hai vợ chồng mới cưới nhau nhưng đã phát sinh mâu thuẫn, và xảy ra liên tục. Nguyên nhân mâu thuẫn vì vấn đề tiền bạc. Và giữa hai anh chị không có tình cảm vợ chồng. Chị và anh Tr đã sống ly thân từ ngày 20-12-2017 cho đến nay. Anh Tr cho rằng sau khi kết hôn được 03 tuần thì chị L về nhà cha mẹ để sống do bị ốm nghén, anh có đến đưa vợ về nhà nhưng chị L nói sống ly thân nhưng anh không đồng ý. Anh còn yêu thương vợ con nên anh yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Theo kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị L, anh Tr thì giữa hai anh chị có phát sinh mâu thuẫn nhưng cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn thì không rõ, hiện tại chị L và anh Tr đã sống ly thân. Anh Tr không còn sinh sống ở địa phương, còn chị L thì chuyển về nhà cha mẹ để ở phường B, thị xã B để sinh sống. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, giữa chị Trần Ngọc Thảo L và anh Lưu Chính Tr đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho chị Trần Ngọc Thảo L ly hôn anh Lưu Chính Tr là phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Xét thấy, giữa chị Trần Ngọc Thảo L và anh Lưu Chính Tr có 01 người con chung là Lưu Hà M, sinh ngày 11-8-2018, chị L đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên và anh Lưu Chính Tr đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Lưu Hà M chưa đủ 36 tháng tuổi do đó giao cháu Lưu Hà M cho chị Trần Ngọc Thảo L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lưu Hà M đủ tuổi thành niên là đảm bảo cho sự phát triển đầy đủ cả về thể chất và tinh thần của cháu M; anh Lưu Chính Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Ngọc Thảo L chưa yêu cầu anh Lưu Chính Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4.4] Về tài sản: Chị Trần Ngọc Thảo L và anh Lưu Chính Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] *Về ý kiến giải quyết vụ án của Viện kiểm sát:* Xét quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Ngọc Thảo L ly hôn với anh Lưu Chính Tr. Về con chung: Giao con chung là Lưu Hà M cho chị Trần Ngọc Thảo L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên, anh Lưu Chính Tr có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Ngọc Thảo L chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị Trần Ngọc Thảo L và anh Lưu Chính Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về án phí:* Nguyên đơn chị Trần Ngọc Thảo L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005465 ngày 10-10-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ vào: Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;*

- *Căn cứ vào: Điều 51; khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;*

- *Căn cứ vào: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Ngọc Thảo L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc Thảo L được ly hôn với anh Lưu Chính Tr.

2. Về con chung: Giao con chung là Lưu Hà M, sinh ngày 11-8-2018 cho chị Trần Ngọc Thảo L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lưu Hà M đủ tuổi thành niên. Anh Lưu Chính Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Ngọc Thảo L chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản: Chị Trần Ngọc Thảo L và anh Lưu Chính Tr chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Ngọc Thảo L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005465 ngày 10-10-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã B;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Anh